

Số: 4360/QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2018

|  |                  |
|--|------------------|
| SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO<br>THÀNH PHỐ HÀ NỘI |                  |
| ĐẾN  | Số:.....         |
|  | Ngày: 26/11/2018 |
| Chuyên                                     | Thể thao         |
| Lưu hồ sơ số:.....                         |                  |

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

**BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao và Chánh Văn phòng Bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ, Cơ quan, Thủ trưởng các Tổng cục, Cục, Vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Các Sở VH-TDL, Sở VHTT;
- Lưu: VT, TCTDIT (03), H110.



Nguyễn Ngọc Thiện

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH  
TRONG LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO THUỘC PHẠM VI  
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

(Ban hành theo Quyết định số 4350/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| STT                                | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính  | Tên VBQPPL quy định  | Lĩnh vực         | Cơ quan thực hiện               |
|------------------------------------|---------------|---|--|------------------|---------------------------------|
| <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b> |               |   |  |                  |                                 |
| 1.                                 |               | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao | Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Leo núi thể thao có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2018 | Thể dục thể thao | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 2.                                 |               | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ          | Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng rổ có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2018         | Thể dục thể thao | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

4

## PHẦN II.

### NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

#### A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

##### I. Lĩnh vực thể dục thể thao

#### 1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao

\* Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) trong trường hợp được ủy quyền nơi đăng ký địa điểm kinh doanh (Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện).

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Trường hợp không cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử.

\* Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại trụ sở hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) trong trường hợp được ủy quyền nơi đăng ký địa điểm kinh doanh.

\* Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

(3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện hoặc cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

\* Thời hạn giải quyết:

07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

\* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

\* Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

\* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

\* Lệ phí: Do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.

\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Cơ sở vật chất tập luyện và thi đấu đối với leo núi nhân tạo

1. Tường leo

a) Tường leo đối với leo dẫn đường và leo với dây neo sẵn:

- Bảo đảm chiều cao ít nhất 4,5m khi tổ chức tập luyện;

- Bảo đảm chiều cao ít nhất 8m khi tổ chức giải thi đấu cấp tỉnh, thành phố, câu lạc bộ;

- Bảo đảm chiều cao ít nhất 12m khi tổ chức giải thi đấu quốc gia.

b) Tường leo đối với leo khối đá:

- Chiều cao không vượt quá 4,5m và có đệm bảo hộ dưới đất;

- Đối với tường leo độ cao từ 3m trở xuống: Đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 12cm và có tính đàn hồi;

- Đối với tường leo độ cao từ 3m đến 4,5m: Đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 20cm và có tính đàn hồi.

2. Mấu bám trên tường leo bảo đảm không bị lỏng hoặc xoay vặn và theo tiêu chuẩn của Liên đoàn Leo núi quốc tế.

3. Khung kết cấu tường leo bảo đảm chịu được tải trọng của toàn bộ tường leo và lực tác động của người leo.

4. Có bảng nội quy quy định về giờ tập luyện, trang phục tập luyện và biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và thi đấu.

5. Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập.

(2) Cơ sở vật chất tập luyện và thi đấu đối với Leo núi tự nhiên

1. Vách leo

a) Vách leo đối với leo dẫn đường và leo với dây neo sẵn:

Các tuyến leo được cố định sẵn trên vách leo, các chốt an toàn được lắp đặt theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất và đảm bảo tiêu chuẩn của Liên đoàn Leo núi Quốc tế.

b) Vách leo đối với leo khối đá:

- Bảo đảm chiều cao không vượt quá 4,5m và có đệm bảo hộ dưới đất được đặt trên địa hình bằng phẳng;

- Đối với độ cao từ 3m trở xuống: đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 12cm và có tính đàn hồi;

- Đối với độ cao từ 3m đến 4,5m: đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 20cm và có tính đàn hồi.

3. Có bảng nội quy quy định về giờ tập luyện, trang phục tập luyện và biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và thi đấu và bảng chỉ dẫn được đặt ở những vị trí dễ nhận biết trong khu vực leo. Nội dung bảng chỉ dẫn quy định về bản đồ khu vực leo, vạch giới hạn khu vực leo, số điện thoại của người có trách nhiệm quản lý leo và cách thức liên lạc khi cần thiết.

(3) Trang thiết bị tập luyện và thi đấu

1. Có giày leo núi chuyên dụng, dây leo núi, đai bảo hiểm, móc leo, thiết bị hãm, móc khóa carabiner, mũ bảo hiểm chuyên dụng, túi phẩn, dây phụ trợ tùy theo loại hình leo núi. Các thiết bị leo núi phải đảm bảo tiêu chuẩn của Liên đoàn leo núi quốc tế.

2. Bảo đảm thông tin liên lạc giữa người tập leo núi, người hướng dẫn tập luyện với bộ phận điều hành tại địa điểm tập luyện, thi đấu và cơ sở y tế.

(4) Mật độ tập luyện, hướng dẫn tập luyện và cứu hộ

1. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 15 người trong 01 giờ học.

2. Có nhân viên cứu hộ thường trực, bảo đảm 15 người tập có 01 nhân viên cứu hộ.

(5) Nhân viên chuyên môn

a) Đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc một trong các trường hợp:

- Cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao;

- Kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện. Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Phải có người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải có đủ nhân viên chuyên môn sau đây:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ.

- Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

\* Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2007.

- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực từ ngày 03/8/2007.

- Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09/10/2018.

- Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Leo núi thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01/12/2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao**

**Kính gửi:** Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn  
hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể  
thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được  
ủy quyền)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):

.....

Tên giao dịch (nếu có): .....

Tên viết tắt (nếu có): .....

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: .....do: ..... cấp  
ngày.... tháng.... năm..., đăng ký thay đổi lần thứ .... ngày .... tháng.... năm

3. Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Website: ..... Email: .....

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật: .....

Giới tính: ..... Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../ ...../ ..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu: .....

Ngày cấp: ...../ ...../ ..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao: .....

.....

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp ..... để kinh doanh hoạt động thể thao .....(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày ..... tháng.... năm .....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TÓM TẮT**

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh .....  
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

**Kính gửi:** Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn  
hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể  
thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được  
ủy quyền)

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):

.....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Website:..... Email: .....

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của ..... (tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):

- Số lượng: .....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Điều 6 của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):  
.....

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:  
.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp, luật về các điều kiện đã trình bày./.

**DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)*

## **2. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ**

### **\* Trình tự thực hiện:**

- Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) trong trường hợp được ủy quyền nơi đăng ký địa điểm kinh doanh (Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện).

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Trường hợp không cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử.

### **\* Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp tại trụ sở hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) trong trường hợp được ủy quyền nơi đăng ký địa điểm kinh doanh.

### **\* Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

(3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện hoặc cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

### **\* Thời hạn giải quyết:**

07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

\* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

\* Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

\* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

\* Lệ phí: Do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.

\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Sân bóng rổ

a) Sân bóng rổ có chiều dài ít nhất là 28m và chiều rộng ít nhất là 15m;

b) Mặt sân bóng rổ phẳng, cứng, không trơn trượt và không có chướng ngại vật;

c) Đối với sân bóng rổ ngoài trời, hàng rào, lưới chắn hoặc tường bao quanh sân cách đường biên dọc của sân ít nhất là 2m và cách đường biên ngang của sân ít nhất là 5m. Trường hợp sân bóng rổ ngoài trời liền kề nhà ở, trường học, công trình công cộng hoặc đường giao thông, hàng rào, lưới chắn hoặc tường bao quanh sân bóng rổ cao ít nhất là 3m;

d) Đối với sân bóng rổ trong nhà, chiều cao tính từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 8m; tường nhà không được làm bằng vật liệu chói, lóa.

2. Bộ cột rổ

a) Cột và vành rổ được làm bằng kim loại;

b) Bảng rổ được làm bằng nhựa tổng hợp hoặc bằng gỗ;

c) Lưới rổ được làm bằng sợi nylon;

d) Khoảng cách tính từ mép trên của vành rổ xuống mặt sân bóng rổ theo chiều thẳng đứng là 3,050m đối với người tập trên 12 tuổi hoặc ít hơn 3,050m đối với người tập từ 12 tuổi trở xuống.

3. Quả bóng rổ

a) Quả bóng rổ phải được sử dụng phù hợp với từng loại đối tượng theo quy định của Luật thi đấu bóng rổ;

b) Bảo đảm mỗi người có ít nhất 01 (một) quả bóng rổ.

4. Độ chiếu sáng bảo đảm trên sân ít nhất là 300 lux.

5. Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; có nơi thay đồ, cất giữ đồ và có khu vệ sinh.

6. Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện; đối tượng tham gia tập luyện; trang phục, trang thiết bị khi tham gia tập luyện; các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn trong tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu môn Bóng rổ được thực hiện theo quy định tại các mục 1, 2, 4, 5 và điểm a mục 3 phần (1) nêu trên.

2. Mặt sân phải được làm bằng gỗ hoặc chất liệu tổng hợp.

3. Mỗi sân có dụng cụ lau và làm sạch mặt sân.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện

1. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người trong một buổi tập.

2. Mật độ tập luyện được bảo đảm ít nhất 10m<sup>2</sup>/người.

(4) Nhân viên chuyên môn

a) Đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc một trong các trường hợp:

- Cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao;

- Kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện. Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Phải có người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải có đủ nhân viên chuyên môn sau đây:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ.

- Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

\* Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2007.

- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực từ ngày 03/8/2007.

- Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09/10/2018.

- Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng rổ. Có hiệu lực từ ngày 01/12/2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao**

**Kính gửi:** Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn  
hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể  
thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được  
ủy quyền)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):

.....

Tên giao dịch (nếu có): .....

Tên viết tắt (nếu có): .....

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: .....do: ..... cấp  
ngày.... tháng.... năm..., đăng ký thay đổi lần thứ .... ngày .... tháng.... năm

3. Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Website: ..... Email: .....

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật: .....

Giới tính: ..... Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../ ...../ ..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu: .....

Ngày cấp: ...../ ...../ ..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao: .....

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp ..... để kinh doanh hoạt động thể thao .....(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày ..... tháng.... năm .....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TÓM TẮT**

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh .....  
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

**Kính gửi:** Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn  
hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể  
thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được  
ủy quyền)

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):

.....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Website:..... Email: .....

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của ..... (tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):

- Số lượng: .....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Điều 6 của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):  
.....

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:  
.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp, luật về các điều kiện đã trình bày./.

**DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)